TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2024/HS-ST
Ngày 29-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Kim

Ông Lương Thanh Văn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Công - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 23, 28 và 29 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 152/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2024/HSST-QĐ ngày 12/8/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1989, tại thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: tổ dân phố Đ, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; đảng, chính quyền, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Y; có vợ là Nguyễn Thị T và có 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (Có mặt)

2. Họ và tên: **Nguyễn Trung H**, sinh năm 1999, tại thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: thôn T, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; đảng, chính quyền, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thanh H1; có vợ Hoàng Thị D và 01 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (Có mặt)

3. Họ và tên: **Bùi cao Q**, sinh năm 1994, tại thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: thôn T, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; đảng, chính quyền, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Bùi Văn T1 và bà Diêm Thị V; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tại Bản án số:165/2024/HSST, ngày 08/8/2024, bị Tòa án nhân dân thị xã Việt yên xử phạt 09 tháng tù về tội "*Gây rối trật tự nơi công cộng*". Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (Có mặt)

4. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc V1**, sinh năm 2000, tại thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: thôn T, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; đảng, chính quyền, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Ngọc S con bà Nguyễn Thị T2; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Tại Bản án số: 165/2024/HSST, ngày 08/8/2024, bị Tòa án nhân dân thị xã Việt yên xử phạt 09 tháng tù về tội "*Gây rối trật tự nơi công cộng*".

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (Có mặt)

5. Họ và tên: **Lý Hiền T3**, sinh năm 2004, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; đảng, chính quyền, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; con ông Lý Văn B và bà Phùng Thị H2; chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày15/01/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (Có mặt)

6. Họ và tên: **Nguyễn Minh N1** sinh năm 2003, tại thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nơi ở: thôn Đ, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; đảng, chính quyền, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T4; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (Có mặt)

7. Họ và tên: **Thân Văn L,** sinh ngày 15/7/2006, tại thị xã V, tỉnh Bắc Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn N, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nơi ở: thôn Đ, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Thân Văn M và bà Tống Thị N2; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 12/6/2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Bắc Giang khởi tố về tội "*Cố ý gây thương tích*", ngày 30 tháng 7 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đình chỉ vụ án.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

- *Người bào chữa cho bị cáo Thân Văn L*:

1. Ông Đặng Văn T5 - Luật sư Văn phòng L5, Đoàn Luật sư tỉnh B. (Có mặt)

2. Bà Giáp Thị H3 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Đức B1, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm V, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

2. Chị Moong Thị È, sinh năm 1999; địa chỉ: Bản C, xã L, huyện T, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

3. Chị Đoàn Thị Thanh L1, sinh năm 2005; địa chỉ: TDP G, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam. (Vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1990; địa chỉ: TDP K, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

5. Anh Nguyễn Văn T6, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

6. Chị Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ B, phường B, quận L, Hà Nội. (Vắng mặt)

7. Chị Vương Thị C1, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu C, xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

8. Chị Triệu Thị Thu H4, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt)

9. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: TDP Đ, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

10. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963; địa chỉ: TDP Đ, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

11. Ông Nguyễn Văn N3, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

12. Anh Nguyễn Văn T7, sinh năm 2003; địa chỉ: TDP D, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

13. Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

14. Anh Nguyễn Phương N4, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu S, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn S1, sinh năm 2005 (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Khắc L2, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ ngày 15/01/2024, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý Công an tỉnh B phối hợp với Công an thị xã V tiến hành kiểm tra hành chính quán K1 tại tổ dân phố Đ, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang do Nguyễn Văn N, sinh năm 1989, trú quán tại địa chỉ nêu trên làm chủ phát hiện một số người trong quán có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma tuý; đồng thời phát hiện trong phòng hát có một số dụng cụ dùng sử dụng trái phép chất ma tuý.

Tổ công tác tiến hành kiểm tra việc sử dụng ma túy qua nước tiểu của 14 người trong quán K1 nghi vấn liên quan đến sử dụng ma túy, kết quả phát hiện 12 người dương tính với chất ma tuý, cụ thể:

+ Tại phòng hát số 01 có 2/3 người dương tính với chất ma túy cụ thể: Nguyễn Văn T6, sinh năm 2004, trú tại thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1980, trú tại Tổ B, phường B, quận L, thành phố Hà Nội đều dương tính với ma túy; Nguyễn Văn S1, sinh năm 2005, trú tại thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang âm tính với ma tuý.

+Tại phòng hát số 02 có 8/8 người dương tính với chất ma tuý, cụ thể: Nguyễn Trung H, sinh năm 1999, Bùi Cao Q, sinh năm 1994, đều trú tại thôn T, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Ngọc V1, sinh năm 2000, trú tại thôn T, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; Lý Hiền T3, sinh năm 2004, trú tại thôn H, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (đều là bị cáo trong vụ án); Nguyễn Đức B1, sinh năm 1990, trú tại xóm V, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Moong Thị È, sinh năm 1999, trú tại Bản C, xã L, huyện T, tỉnh Nghệ An; Đoàn Thị Thanh L1, sinh năm 2005, trú tại tổ dân phố G, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam; Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố K, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

+Tại phòng nhân viên ở có 02/02 người dương tính với chất ma túy, gồm: Vương Thị C1, sinh năm 1988, trú tại Khu C, xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ; Triệu Thị Thu H4, sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang đều là người vừa đến quán làm nhân viên phục vụ hát Karaoke.

Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được, tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với: Nguyễn Văn N về hành vi "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" và "Mua bán trái phép chất ma tuý"; Nguyễn Trung H, Bùi Cao Q và Lý Hiền T3 về hành vi "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý". Vật chứng thu giữ:

+ Thu của Nguyễn Văn N: 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn N; số tiền 1.300.000 đồng; 02 đĩa sứ hình tròn; 01 thẻ nhựa có chữ "EVNNPC"; 01 (một) thẻ nhựa có chữ "Mobifone"; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, số IMEI1: 866686057784737, lắp sim số 0338.685.682 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, số seri: R58M918ME, lắp sim số 0906.021.137 và số 0989.209.682;

+T8 tại nền phòng hát số 1 dưới gầm bàn để đồ: 01 túi ni lon màu trắng có rãnh khóa viền nhựa màu đỏ, bên trong bám dính chất màu trắng nghi là ma túy, được niêm phong trong phong bì ký hiệu (QT P1);

T8 tại nền phòng hát số 2: 02 túi ni lon màu trắng, trong đó một túi có rãnh khóa nhựa viền nhựa màu đỏ, một túi có rãnh khóa nhựa viền màu xanh, bên trong hai túi đều bám dính chất màu trắng nghi là ma túy, được niêm phong trong phong bì ký hiệu (QT P2);

+ Thu của Lý Hiền T3: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số seri: FTHZPOJVHFM4, lắp sim số: 0862500457;

+ Thu của Bùi Cao Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số seri: G6TDREYGOD83, lắp sim số: 0976.100.994;

+ Thu của Nguyễn Trung H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số seri: FFXXTHRVKPHF, lắp sim số: 0979.132.124.

Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp quán K1, thu giữ: 01 đầu thu camera nhãn hiệu Dahua TECHNOLOGY, được niêm phong trong phong bì ký hiệu "KX1"; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Dahua Micro 32GB được thu giữ tại mắt camera trước cửa quán K1 trong quá trình khám xét và 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Nitro 433x Micro 16 GB được thu giữ tại mắt camera trong phòng khách quán K1 trong quá trình khám xét đều được niêm phong trong phong bì ký hiệu "KX2"; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu đen, không lắp biển kiểm soát, số máy JA39E -2776557.

Cùng ngày 15/01/2024, Nguyễn Ngọc V1 đầu thú khai nhận cùng với H tổ chức cho người khác sử dụng ma túy tại quán K1. Khi đầu thú, V1 giao nộp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biểm kiểm soát 12L1-205.49.

Ngày 24/01/2024, căn cứ lời khai của N về việc mua ma túy của Nguyễn Minh N1, sinh năm 2003, trú tại thôn Đ, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang và Thân Văn L, sinh ngày 15/7/2006, trú tại thôn N, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, Cơ quan điều tra khám xét nơi thuê ở của N1 và L tại thôn Đ, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Kết quả khám xét, thu giữ:

+Tại gian nhà bếp sau phòng khách tầng 1: 01 đĩa sứ màu trắng, trên mặt đĩa có bám dính chất màu trắng nghi là ma túy; 01 thẻ nhựa cứng, trên mặt thẻ có nhiều chữ; 01 ống hút làm bằng tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng cố định bằng đầu lọc của điều thuốc lá, toàn bộ được niêm phong trong hộp cát tông ký hiệu "KX Nghiệp".

+ Tại túi vải trong phòng ngủ: 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa viền màu đỏ, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, nghi là ma túy được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu "KX Nghiệp 2".

+ Tại mặt thảm phòng khách: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỡ màn hình, số IMEI: 355376072242444, lắp sim số 0387.203.000

+ Ngoài ra Nghiệp giao nộp: 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Minh N1; 01 ví da màu đen có chữ Hermes; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số IMEI: 351732278922631, lắp sim số 0353.679.333; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu đen, không lắp biển kiểm soát, số khung: RLJA3922MY262696, số máy: JA39E-2381664.

Cùng ngày 24/01/2024, thấy hành vi mua bán ma túy đã bị phát hiện, nên N1, L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đầu thú. Khi đầu thú, Công an thu của L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng hồng, số seri: F2LSD3008HG07, lắp sim số: 0766.413.582.

Cơ quan điều tra kiểm tra việc sử dụng ma túy của N1 và L qua nước tiểu, kết quả cả hai dương tính với chất ma túy.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra Quyết định trưng cầu Phòng K2 Công an tỉnh B giám định để xác định chất ma túy trong các vật chứng thu giữ nghi có ma túy nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định số: 187/KL-KTHS ngày 22/01/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh B, kết luận:

"5.1. Trong 01 (một) phong bì ký hiệu "QT P1" được niêm phong gửi giám định: Chất màu trắng bám dính trong 01 (một) túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khoá bằng nhựa, viền màu đỏ là ma tuý, loại Ketamine, không xác định được khối lượng mẫu.

5.2. Trong 01 (một) phong bì ký hiệu "QT P2" được niêm phong gửi giám định: Chất màu trắng bám dính trong 02 (hai) túi ni lon màu trắng (trong đó có 01 (một) túi có rãnh khoá nhựa, viền màu đỏ; 01 (một) túi có rãnh khoá nhựa, viền màu xanh) đều là ma tuý, loại Ketamine, không xác định được khối lượng mẫu."

Tại Bản kết luận giám định số: 255/KL-KTHS ngày 29/01/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh B, kết luận:

"5.1. Trong 01 (một) hộp cát tông ký hiệu "KX Nghiệp 1" đã được niêm phong gửi giám định: Chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khoá bằng nhựa, viền màu đỏ là ma tuý, có khối lượng 0,146 gam, loại Ketamine. Chất tinh thể màu trắng bám dính trên 01 đĩa sứ màu trắng là ma tuý, loại Ketamine, không xác định được khối lượng mẫu. Chất tinh thể màu trắng bám dính trong 01 (một) ống hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, được cố định

bằng đầu lọc thuốc lá là ma tuý, loại Ketamine, không xác định được khối lượng mẫu. Chất tinh thể màu trắng bám dính trên 01 (một) thẻ nhựa cứng, trên mặt thẻ có nhiều chữ là ma tuý, loại Ketamine, không xác định được khối lượng mẫu.

5.2. Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu "KX Nghiệp 2" đã được niêm phong gửi giám định: Chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khoá bằng nhựa, viền màu đỏ là ma tuý, có khối lượng 0,647 gam, loại Ketamine."

Quá trình điều tra, xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Bản thân Nghĩa là chủ quán K1. Để tăng lợi nhuận, ngoài việc cho khách hát tại quán Karaoke thì N còn kết hợp cho khách thuê phòng hát để sử dụng ma túy khi có nhu cầu. N chuẩn bị các dụng cụ là đĩa sứ, thẻ nhựa là các phôi sim thẻ điện thoại cung cấp cho khách dùng để sử dụng ma túy (xào ma túy Ketamine) nếu khách có nhu cầu sử dụng tại quán; đồng thời N mua ma tuý của N1 và L để bán lại cho khách tại quán hát. Trước ngày quán K1 bị Công an kiểm tra hành chính, N thuê Nguyễn Thị Ú, Vương Thị C1, Triệu Thị Thu H4 làm nhân viên phục vụ khách đến quán hát K, không nói cho biết việc tổ chức cho khách sử dụng ma túy.

**Hành vi mua bán ma túy, tổ chức sử dụng ma túy của N và các bị cáo Nguyễn Trung H, Bùi Cao Q, Nguyễn Ngọc V1, Lý Hiền T3, cụ thể:*

+ Tại phòng số 2: Khoảng 20 giờ ngày 14/01/2024, Q cùng với Nguyễn Trung H đến nơi ở của Nguyễn Ngọc V1 thuê trọ cạnh trường Đại học N6 thuộc phường B, thị xã V chơi. Tại đây, trong lúc H, Q, V1 ngồi ăn, uống rượu cùng nhau thì H rủ Q, V1 đi sử dụng ma tuý, cả hai đồng ý. Do không đem theo tiền, H bảo Vũ nhận thế chấp xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 12L1- 205.49 của H với số tiền 10.000.000 đồng để H lấy tiền đi chơi và sử dụng ma túy. Mới đầu V1 không đồng ý nhận thế chấp xe mô tô để cho H vay tiền thì Q bảo sẽ chịu trách nhiệm về việc nếu H sau này không trả tiền nên V1 đồng ý. H bảo V1 không cần chuyển tiền cho H, cứ chi trả cho việc đi sử dụng ma tuý, nếu hết quá số tiền 10.000.000 đồng thì Vũ ứng ra trước, cuối tháng có tiền H trả V1 sau, V1 đồng ý. H hỏi V1 sử dụng ma tuý ở đâu, Vũ bảo đến quán K1 của N làm chủ. Do H không biết chỗ mua ma tuý nên bảo Q mua ma tuý đủ để sử dụng, Q nói "mua 04 viên ma tuý dạng kẹo và 02 chỉ ma tuý ke", H đồng ý. Biết V1 là người chở nhân viên quán hát, H bảo V1 gọi thêm 02 nhân viên nữ để phục vụ, V1 đồng ý. H sử dụng điện thoại di động bọi điện rủ Nguyễn Đức B1 đi sử dụng ma tuý và hẹn B1 ra gần khu vực N để đi cùng xe, B1 đồng ý. H bảo V1 gọi xe tắc xi để chở mọi người cùng đi sử dụng ma túy, V1 đồng ý. Khoảng 21 giờ 10 phút ngày 14/01/2024, Q dùng điện thoại di động lắp sim số 0976.100.994 gọi vào số điện thoại 0869.218.594 của người đàn ông bán ma túy, không biết họ tên, địa chỉ (do Q xin được trước đó của người ngoài xã hội không nhớ là ai) để đặt mua 04 viên ma tuý "kẹo" và 02 chỉ ma tuý Ketamine thì người bán ma túy đồng ý, báo giá hết 4.500.000 đồng. Q bảo người bán ma túy mang ma túy

đến cửa quán K1 để mua bán. Sau đó, Q bảo V1 chuyển khoản trước cho Q 5.000.000 đồng để Q mua ma tuý, tuy nhiên lúc này V1 chưa chuyển khoản. Sau đó H, V1, B1 đi xe tắc xi đến quán K1; đồng thời Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu đen, không lắp biển kiểm soát, số máy JA39E -2776557 chở Lý H là nhân viên phục vụ quán hát Karaoke đi đến quán K1, nhưng không nói cho biết đi sử dụng ma túy. Khoảng 22 giờ cùng ngày H, V1, B1, Q, T3 đến quán K1 gặp N đứng trong quán. Cả nhóm đi vào trong đặt phòng hát, N bảo lên phòng hát số 02. H thấy Moong Thị È là nhân viên đi phục vụ quán hát của V1 cũng có mặt trong quán, H bảo È lên hát cùng (không nói cho biết việc H sẽ sử dụng ma túy), È đồng ý. Tại đây trong nhóm của H, có người nói với Nghĩa L3 cho mượn đĩa và thẻ nhựa nhưng không nói để làm gì, tuy nhiên N biết là sẽ dùng sử dụng ma túy. H, B1 cùng nhau vào phòng hát số 02 tại tầng 2 trước. V1 ngồi ở ghế nói chuyện riêng với Q thì Q bảo V1 chuyển số tiền 5.000.000 đồng để Q trả tiền mua ma tuý, V1 đồng ý. V1 dùng điện thoại di động, cài đặt tài khoản Ngân hàng M2, có số 6661999899999 chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng số 1028136802 của Q mở tại Ngân hàng V2. Sau đó V1, È và T3 đi lên phòng hát số 02, khi đi đến chân cầu thang tầng 1, N đi vào trong chỉ tay về phía tủ đồ tầng 1 nơi để đĩa sứ và thẻ nhựa, V1 bảo È mang đĩa và thẻ lên nhưng không ai nói cho È dùng vào việc sử dụng ma túy. È đi vào vị trí tủ để đồ N chỉ cầm 01 đĩa sứ màu trắng cùng 01 thẻ nhựa có sẵn trên đĩa mang vào đặt trên bàn trong phòng hát số 02 rồi ngồi hát cùng mọi người. Còn Q ra cửa quán hát đi về phía xe ô tô màu đen không rõ biển kiểm soát, đang đỗ cách cửa quán K1 khoảng 10 m. Khi đi đến sát cửa ô tô thì kính cửa bên phụ mở, bên trong có người nam thanh niên đội mũ lưỡi chai không biết họ tên, địa chỉ, bảo Q chuyển khoản tiền mua ma túy, đồng thời nam thanh niên dơ điện thoại lên có mã QR code Ngân hàng. Q dùng tài khoản Ngân hàng nêu trên của Q chuyển 4.500.000 đồng tiền mua ma tuý vào tài khoản Ngân hàng M3 có số 8109890002006 của người bán ma túy. Nhận được tiền xong, người bán ma túy chỉ tay xuống dưới nền đất và nói "đồ dưới đất" (tức là ma tuý để dưới đất) rồi điều khiển xe ô tô bỏ đi. Q nhìn xuống đất, thấy có 01 gói giấy ăn màu trắng, kiểm tra bên trong đựng số ma túy đặt mua nên mang lên phòng hát số 02 để trên mặt bàn. Lúc này, H tiến lại, mở gói giấy ăn ra thấy bên trong có 04 viên ma tuý "kẹo" màu trắng đục và 02 túi ni lon có rãnh khoá nhựa bên trong chứa ma tuý Ketamine. H bẻ đôi tất cả 04 viên ma tuý "kẹo" đưa cho Q, V1, B1, È, T3 mỗi người 1/2 viên, mọi người sử dụng bằng hình thức nuốt ma tuý "kẹo" vào miệng và uống với nước C2, H tự sử dụng 1/2 viên ma tuý "kẹo". Sau đó cả nhóm nghe nhạc khoảng 20 phút, Q cầm đĩa sứ màu trắng trên bàn vào nhà vệ sinh đốt nóng đĩa bằng cách dùng bật lửa đốt giấy vệ sinh hơ nóng đĩa. Sau đó Q mang đĩa vào đưa cho T3 bảo T3 "xào ke", T3 đồng ý. Thục lấy 01 túi ma tuý Ketamine đổ lên đĩa, dùng thẻ nhựa "xào" ma tuý Ketamine và kẻ thành nhiều đường thẳng, T3 đưa đĩa ma tuý cho Q, H, V1, B1 sử dụng bằng cách hít ma tuý vào mũi rồi nghe nhạc và nhảy. Lúc sau, T3 đổ nốt gói ma tuý ke còn lại ra đĩa để "xào", H dùng điện thoại bật đèn F soi cho T3 "xào", kẻ ma tuý Ketamine. Sau đó, T3, H và

Q sử dụng ma tuý ke trên đĩa rồi nằm nghe nhạc. H bảo T3 gọi L1 đến chơi cùng (tức là sử dụng ma tuý cùng), T3 đồng ý, sử dụng điện thoại di động gọi L1 đến quán, (ý của T3 gọi đến sử dụng ma túy nhưng không nói cho L1 biết là đến sử dụng ma túy). Khoảng 30 phút sau, L1 vào phòng hát, ngồi cạnh Q, Q mời L1 sử dụng ma tuý trên đĩa, thì L1 sử dụng ma tuý Ketamine cùng. Sau đó, Nguyễn Văn Q1 là bạn của H được H gọi đến quán hát cũng vào phòng hát cùng mọi người. Khoảng 23 giờ ngày 14/01/2024, N bảo H4 xuống phòng hát 02 phục vụ nếu khách hát Karaoke nếu cần. H4 vào phòng hát số 02 thì bị một người đuổi ra ngoài, trước khi ra khỏi phòng H4 thấy trên bàn có đĩa sứ, trên đĩa có ma tuý Ketamine nên H4 tự sử dụng 01 đường ma tuý bằng hình thức hít rồi bỏ đi lên phòng ở của nhân viên ngủ. Khoảng 01 giờ ngày 15/01/2024, N phát hiện Công an vào kiểm tra hành chính nên chạy vào trong phòng cầm đĩa, thẻ nhựa dùng sử dụng ma túy rửa đi rồi đem cất ở tủ đồ tầng 1, sau giao nộp cho Công an. Số tiền cho thuê phòng hát và sử dụng ma túy, N chưa thu được của nhóm H.

Ngoài ra, kết quả điều tra còn chứng minh được: Khoảng 01 giờ ngày 14/01/2024, có hai nam giới, N không biết họ tên, địa chỉ đến thuê phòng hát số 02 để hát và sử dụng ma túy. N thỏa thuận và thu được 1.200.000 đồng tiền thuê phòng để sử dụng ma túy. Lúc này, N bảo nhân viên là Vương Thị C1 đi vào phòng phục vụ khách hát Karaoke nhưng không nói cho biết khách sử dụng ma túy. Trong quá trình phục vụ khách hát Karaoke (bấm bài, rót bia) thì khách tự lấy ma túy Ketamine và sử dụng. Sau đó, C1 cũng tự sử dụng ma túy của khách. Khách sử dụng ma túy song, trả cho N 1.200.000 đồng tiền mặt. Số tiền này, N đã chi tiêu hết. Sau này, Công an vào kiểm tra hành chính, kiểm tra việc sử dụng ma túy qua nước tiểu thì Cường dương T9.

+ *Tại phòng số 01:* Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 14/01/2024, T6 rủ S1 đến quán K1 hát Karaoke. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, T6 và S1 đến quán gặp Nguyễn Văn N, T6 bảo N bố trí 01 phòng hát, 01 bình bóng cười và 01 nhân viên nữ phục vụ hát. T6 dùng điện thoại sử dụng số tài khoản Ngân hàng số 1034592908 mở tại Ngân hàng V2 chuyển số tiền 200.000 đồng đến số tài khoản số 99991159999 mở tại Ngân hàng M2 của N để trả tiền bóng cười. N bảo Ú (nhân viên ở tại quán của N) vào phòng 01 phục vụ T6 hát Karaoke. T6 và S1 vào phòng số 01 được một lúc thì Ú vào. Sau đó, N mang vào cho T6 01 bình bóng cười rồi tự đi xuống tầng 1; quá trình ở phòng số 01 T và S1 sử dụng bóng cười. Khoảng 00 giờ ngày 15/01/2024 do có nhu cầu sử dụng ma tuý, T6 tự đi xuống quầy lễ tân gặp N, còn S1 đi phía sau. T6 bảo N bán cho T6 01 chỉ ma tuý Ketamine để T6 tự sử dụng tại quán, N đồng ý và báo giá hết 1.500.000 đồng thì T6 đồng ý mua. Sau đó, T6 lấy 1.300.000 đồng tiền mặt trả trước cho N tiền mua ma tuý Ketamine, đồng thời T6 bảo N mang ma tuý, đĩa và thẻ nhựa lên cho T6 nhưng không nói cho S1 biết. Khoảng 10 phút sau, N vào khu vực kệ gỗ để đồ dưới gầm cầu thang tầng 1 lấy đĩa sứ, giấy ăn, thẻ nhựa rồi để 01 túi ni lon một đầu có rãnh khoá bằng nhựa bên trong chứa ma tuý Ketamine

mua của N1 và L trước đó lên đĩa, mang lên đặt trên mặt bàn trong phòng 01 cho T6 rồi tự đi xuống dưới quầy lễ tân. T6 tự mang đĩa sứ vào trong nhà vệ sinh, dùng bật lửa đốt làm nóng đĩa, sau đó quay ra đổ ma tuý Ketamine "xào" ma tuý và tự sử dụng hết số ma tuý bằng hình thức hít. S1 và Ú không sử dụng ma tuý. Khoảng 01 giờ ngày 15/01/2024 N chạy vào phòng báo có Công an đồng thời N dọn dẹp các dụng cụ sử dụng ma tuý mang rửa, cất đi. Sau này, Công an vào kiểm tra hành chính, kiểm tra việc sử dụng ma túy qua nước tiểu thì T6, Ú dương tính. Ú khai dương tính với ma túy, do Ú tự sử dụng ma túy tại quán bar không nhớ tên ở thành phố Hà Nội vào ngày 12/01/2024.

**Hành vi mua bán trái phép chất ma tuý của Nguyễn Minh N1, Thân Văn L và Nguyễn Văn N như sau:*

Khoảng tháng 5/2024, Nguyễn Minh N1 thuê lại ngôi nhà cấp 4 tại thôn Đ, xã M, thị xã V, do ông Nguyễn Phương N4, sinh năm 1980, nơi thường trú tại Khu S, phường K, thành phố B làm chủ để ở. Khoảng tháng 7/2023, N1 bảo Thân Văn L đến ở cùng. Do không có công ăn việc làm ổn định, không có tiền trả tiền thuê nhà và tiền chi tiêu cá nhân nên N1 rủ L mua ma tuý về chia nhỏ, bán lẻ kiếm lời, thì L đồng ý. Nghiệp bàn bạc, thỏa thuận với L, N1 là người bỏ tiền ra mua ma túy, thỏa thuận giá mua, bán ma túy với người bán và người mua lại ma túy, tìm người mua ma túy, quản lý tiền bán ma túy để chi tiêu chung. L là người mang tiền của N1 đi gặp người bán ma túy để trả tiền và mang ma túy về nhà trọ, trực tiếp đi giao ma túy cho người mua và nhận tiền. Số tiền bán ma túy có được cả hai dùng chi tiêu chung. Thông qua mối quan hệ xã hội, N1 biết một người đàn ông tên H5 (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) bán ma tuý tổng hợp (ma tuý Ketamine và "Kẹo"), N1 liên lạc với H5 qua số điện thoại (số điện thoại N1 dùng là sim rác Nghiệp không nhớ số và đã vứt đi khi N bị bắt, điện thoại thì N1 làm rơi mất; H5 sử dụng số điện thoại nào N1 không nhớ) để mua ma tuý với giá 600.000 đồng/01 chỉ ma tuý "Ke" và 250.000 đồng/01 viên ma tuý "kẹo". Sau khi mua được ma túy, N1 và L thống nhất bán cho khách từ 900.000 đồng đến 1.000.000 đồng/01 chỉ ma tý "ke" và 350.000 đồng/01 viên ma tuý "kẹo". N1 và L đều khai nhận mua ma túy Ketamine của đối tượng H5 khoảng 05 lần khác nhau với tổng số khoảng 18 "chỉ" ma túy Ketamine và 22 viên ma túy tổng hợp dạng "kẹo" (không nhớ được số lượng ma túy từng lần, ngày mua cụ thể), hết khoảng 16.300.000 đồng. Trong các lần mua ma túy của H5, L đều đi xe mô tô đến đoạn đường mới thuộc địa phận thôn Đ, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang gặp H5 để mua bán ma túy và thanh toán tiền mặt.

Kết quả điều tra, chứng minh được từ ngày 01/01/2024 đến 23/01/2024, N1 và L mua, bán ma túy với N và Nguyễn Văn H6, sinh năm 1994, nơi trường trú: thôn R, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang mỗi người 02 lần, cụ thể:

Nghiệp và L bán ma túy cho N như sau:

+ *Lần thứ nhất:* Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 01/01/2024, N sử dụng số điện thoại 0338.685.682 gọi đến số điện thoại 0353. 679.333 của N1 để mua 02 chỉ ma tuý Ketamine, N1 báo giá 1.000.000/01 chỉ, N đồng ý và bảo mang đến cửa quán K1 để mua bán. Sau đó, N1 bảo L mang 02 chỉ ma tuý Ketamine mua của H5 trước đó đi giao cho N và nhận tiền như thỏa thuận. L sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu đen, không lắp biển kiểm soát, số khung: RLJA3922MY262696, số máy: JA39E-2381664 mang 02 túi ni lon có rãnh khoá nhựa, bên trong đựng ma túy Ketamine gói trong tờ giấy ăn đi đến cửa quán K1 để bán. Tới nơi, L để gói ma tuý dưới nền đất bên phải xe ô tô đỗ trên vỉa hè cạnh cửa quán. N từ trong quán Karaoke đi ra gặp L, bảo L đọc số tài khoản Ngân hàng để trả tiền mua ma túy. L dùng điện thoại di động Iphone cài đặt tài khoản Ngân hàng, mở mã QR để N quét mã, thực hiện chuyển tiền. Sau đó, N sử dụng điện thoại di động Oppo cài đặt tài khoản Ngân hàng có số 99991159999 của Ngân hàng M2 chuyển khoản số tiền 2.000.000 đồng vào số tài khoản 1507200638888 Ngân hàng M2 của L. Sau khi chuyển tiền xong, N hỏi "đồ đâu" (tức ma túy đâu), L chỉ tay về phía sườn bên phải, bánh sau xe ô tô bảo "Em để đồ đấy" (đồ tức là ma tuý), N tiến lại gần vị trí L để ma tuý, sau đó L lên xe máy đi về nhà trọ. N cầm gói ma túi mua được cất giấu trong người để bán cho người khác. Số tiền bán ma tuý, L về đưa lại cho N1. Số ma tuý mua của N1 và L, N bán hết cho một khách nam thanh niên không quen biết tại quán K1 ngày 01/01/2024 với giá 2.000.000 đồng. Số tiền bán ma túy trên, N đã chi tiêu hết.

+ Lần thứ hai: Khoảng 00 giờ 24 phút ngày 14/01/2024, khi L và N1 ở phòng trọ, Nghiệp ngủ, điện thoại N1 để cạnh người, N tiếp tục dùng số điện thoại 0338.685.682 gọi đến số điện thoại 0353. 679.333 của N1 để mua ma túy. L nghe máy, N nói "Để cho anh 02 chỉ ke", L trả lời là "anh đợi một tí", sau đó L tắt máy. L lên tầng 2 lấy 02 chỉ ma tuý Ketamine đựng trong 02 túi ni lon, một đầu mỗi túi có rãnh khoá bằng nhựa mua được của H5 trước đó, rồi gói 02 chỉ ma tuý Ketamine vào trong tờ giấy ăn. L cầm ma tuý trên tay, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu đen, không lắp biển kiểm soát, số khung: RLJA3922MY262696, số máy: JA39E-2381664 đi đến vị trí gần cửa quán K1, L xuống xe và để ma tuý ở đúng vị trí như bán ngày 01/01/2024. N từ trong quán Karaoke đi ra chỗ L, bảo L đọc số tài khoản để N trả tiền ma tuý. L đọc số tài khoản Ngân hàng của L (như nêu trên) cho N, N sử dụng điện thoại di động Oppo cài đặt tài khoản Ngân hàng số 99991159999 của Ngân hàng M2 chuyển 2.000.000 đồng vào tài khoản của L. Sau đó, N hỏi L "đồ đâu?", L nói "vẫn chỗ cũ" (tức là vẫn để ma tuý ở vị trí như ngày bán 01/01/2024). N đi đến vị trí L để ma túy ở dưới nền đường, nhặt gói ma tuý cất giấu vào trong người để bán, còn L đi xe về nhà trọ. Về nhà trọ, L chuyển khoản số tiền 2.000.000 đồng vừa bán ma tuý vào số tài khoản Ngân hàng M2 số 223200299999 của N1. Sáng hôm sau N1 ngủ dậy L nói với N1 về việc vừa bán ma tuý cho N với số lượng và giá tiền như nêu trên vào buổi đêm qua, N1 đồng ý. Số ma tuý mua của N1 và L thì N bán 01 chỉ (01 túi) ma túy cho Nguyễn Văn T6 là người sử dụng ma túy tại phòng hát số 01 với số tiền như nêu trên. Số ma túy còn lại, N vứt vào bồn cầu vệ

sinh rồi xả nước khi Công an vào kiểm tra hành chính. Số tiền bán ma túy T6 trả cho N đã bị Công an thu giữ.

N1 và L bán trái phép chất ma tuý cho Nguyễn Văn H6, cụ thể:

+ *Lần thứ nhất*: Rạng sáng ngày 14/01/2024, H6 sử dụng tài khoản Faceboock "Văn Hòa N5" nhắn tin M1 đến tài khoản Faceboock "Nghiệp Con" của Nghiệp cài đặt trên điện thoại di động Oppo để đặt mua 01 chỉ (01 túi) ma tuý Ketamine, N1 đồng ý bán cho H6 với giá là 900.000 đồng. H6 sử dụng số tài khoản Ngân hàng V3 số 065704060035574 chuyển số tiền 900.000 đồng vào số tài khoản 223200299999 Ngân hàng M2 của N1. Sau đó, H6 bảo N1 địa điểm giao ma tuý tại đoạn đường giao thông ở tổ dân phố M, phường N, thị xã V. N1 bảo L mang 01 chỉ (01 túi) ma tuý Ketamine đựng trong 01 túi ni lon một đầu có rãnh khoá bằng nhựa mua của H5 trước đó đi bán cho H6. L tiếp tục điều khiển xe mô tô nêu trên đến điểm hẹn gặp H6 do N1 chỉ để giao túi ma túy cho H6 rồi bỏ đi. Sau đó, H6 mang túi ma tuý Ketamine mua được đi vào một nhà nghỉ ở tổ dân phố M, phường N (H6 không nhớ tên và địa chỉ nhà nghỉ) để tự sử dụng một mình hết.

+ *Lần thứ hai*: Đêm ngày 23/01/2024, rạng sáng ngày 24/01/2024 khi đang đi chơi ở thành phố B, H6 tiếp tục sử dụng tài khoản Faceboock nêu trên nhắn tin, gọi điện đến tài khoản Faceboock nêu trên của N1 để mua 02 chỉ ma tuý Ketamine và 04 viên ma tuý tuý "kẹo". Nghiệp báo giá bán 1.000.000 đồng/01 chỉ ma tuý Ketamine và 350.000 đồng/01 viên ma tuý "kẹo", Hòa đồng Ý và bảo N1 mang sang tỉnh Bắc Ninh giao cho H6. N1 bảo H6 trả thêm 400.000 đồng tiền đi xe tắc xi đi giao, tổng số tiền ma tuý và tiền xe tắc xi là 3.800.000 đồng, Hòa đồng Ý. N1 bảo L mang 02 túi ni lon, mỗi túi chứa 01 chỉ ma tuý Ketamine và 04 viên ma tuý "kẹo" đựng vào 01 gói giấy ăn mua của H5 trước đó đi giao cho H6 tại tỉnh Bắc Ninh. N1 bảo H6 chuyển tiền mua bán ma túy vào tài khoản Ngân hàng nêu trên của N1 nhưng không chuyển được. Nghiệp đã nhờ bạn là Nguyễn Văn L4, sinh năm 2007, nơi thường trú: thôn A, xã Đ, huyện H, sử dụng tài khoản số 9527122007 Ngân hàng M2 của Nguyễn Văn L4 nhận hộ tiền H6 chuyển đến rồi chuyển trả lại N1, nhưng không nói cho L4 biết là tiền mua bán ma túy. Sau đó, H6 dùng tài khoản số 3626959595 Ngân hàng T11 chuyển số tiền 3.800.000 đồng vào tài khoản của L4 theo yêu cầu của N1. Đến 00 giờ 56 phút ngày 24/01/2024, L4 lại chuyển trả số tiền trên vào tài khoản của N1. Sau đó, L điều khiển xe mô tô nêu trên đi sang tỉnh Bắc Ninh (không nhớ địa chỉ) giao ma túy cho H6 theo như H6 yêu cầu. Số ma tuý mua được, H6 đã mang vào nhà nghỉ không nhớ tên và địa chỉ cụ thể ở phường Q, thị xã V tự sử dụng dần hết.

Số tiền bán ma túy có được, L và N1 đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 24/01/2024, Cơ quan điều tra khám xét nơi ở thu giữ được số ma túy Ketamine còn lại cất giấu để bán nhưng chưa kịp bán.

Ngoài bán ma túy cho N và H6 nêu trên, N1, L còn khai nhận bán khoảng 06 lần khác cho những người không biết họ tên, địa chỉ, nhưng không nhớ số lượng ma túy, địa điểm, thời gian bán, số tiền bán được nên không có căn cứ để đề cập xử lý.

Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra điện thoại di động thu giữ, tra cứu lịch sử cuộc gọi, lịch sử giao dịch Ngân hàng của các bị cáo và người liên quan nêu trên; kết quả đã thu giữ được nội dung liên quan đến việc liên lạc, giao nhận tiền mua bán ma túy như nêu trên.

Tiến hành kiểm tra camera, thẻ nhớ thu giữ, Cơ quan điều tra thu giữ được hình ảnh N mua ma túy của L và một phần hình ảnh các đối tượng đến quán Karaoke của N rồi tổ chức sử dụng ma túy như nêu trên.

Bản cáo trạng số: 162/CT-VKS ngày 09/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện thị xã Việt Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về các tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Trung H, Bùi Cao Q, Nguyễn Ngọc V1, Lý Hiền T3 về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Minh N1 và Thân Văn L về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu.

Ngoài ra tại phiên tòa, bị cáo N còn khai trong quán trình bắt quả tang bị cáo, bị cáo còn bị thu giữ tài sản là 01 ví da trong đó có khoảng 13.000.000đ đến 14.000.000đ đây là tiền của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng không có trong Biên bản thu giữ khi bắt quả tang.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

1.1 Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58, Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N** từ 08 năm 03 tháng đến 08 năm 06 tháng về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*";

Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật Hình sự;: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 07 năm 06 tháng đến 07 năm 09 tháng tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*"; phạt bổ sung bị cáo 8.000.000đ đến 10.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chấp hành hình phạt tù của cả hai tội là 15 năm 09 tháng đến 16 năm 03 tháng thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 15/01/2024.

1.2 Căn cứ điểm a, điểm b Khoản 2, Khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh N1** 07 năm 09 tháng đến 08 năm tù về tội

"*Mua bán trái phép chất ma túy*" thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/01/2024.

Phạt bổ sung bị cáo 8.000.000đ đến 10.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

1.3 Căn cứ điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91, Điều 101; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Thân Văn L** 05 năm 06 tháng tù đến 05 năm 09 tháng tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/01/2024.

1.4 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58, Bộ luật Hình sự:

Xử phạt **Nguyễn Trung H** 07 năm 06 tháng đến 07 năm 09 tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/01/2024.

Xử phạt **Nguyễn Ngọc V1** 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/01/2024.

1.5 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58, Bộ luật Hình sự;

Xử phạt **Bùi Cao Q** 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/01/2024.

Xử phạt **Lý Hiền T3** 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/01/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì ký hiệu "QT P1"; 01 phong bì niêm phong ký hiệu "QT P2"; 01 hộp cát tông ký hiệu "KX Nghiệp 1" bên trong đều chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định (túi nilon, ma tuý, đĩa sứ, ống hút, thẻ nhựa); 01 phong bì niêm phong ký hiệu "KX Nghiệp 2" được niêm phong bằng dải niêm phong, đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh B và chữ ký của Giám định viên và những người liên quan là vật cầm lưu hành (ma túy còn lại sau giám định); 02 đĩa sứ hình tròn, 01 thẻ nhựa có chữ "EVNNPC"; 01 thẻ nhựa có chữ "Mobifone.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: Số tiền 1.300.000 đồng được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "T"; 20.000đ được cuốn thành ống hút trong hộp cát tông ký hiệu "KX Nghiệp 1" ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO lắp sim số 0338685682 của N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone lắp sim số 0976100994 được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "ĐT Quý; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone lắp sim số 0979132124 được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "ĐT H"; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone lắp sim số 0353679333 và

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone bị vỡ màn hình lắp sim số 0387203000 được niêm phong trong phong bì ký hiệu "ĐT Nghiệp"; 01 điện thoai di động nhãn hiệu Iphone màu vàng hồng lắp sim số 0766413582 được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "ĐT L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone lắp sim số 0862500457 được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "ĐT Thục.

Trả lại các bị cáo: Nguyễn Minh N1: 01 ví da màu đen có chứ Hermes, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Minh N1; Nguyễn Văn N: 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn N, 01 đầu thu camera nhãn hiệu Dahua TECHNOLOGY được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "Camera an ninh", 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung lắp sim số 0906021137 và 0989209682 được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "ĐT N". Trừ ví, giấy tờ tùy thân ra thì các tài sản, đồ vật còn lại được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại chị Hoàng Thị D 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ đen, biển kiểm soát 12L1- 205.49, số khung RLHJF5831KY040106, số máy JF86E2104521; anh Nguyễn Văn T7: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu đen, không lắp biển kiểm soát, số máy JA39E-2776557; ông Nguyễn Văn N3 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu đen, không lắp biển kiểm soát, số khung RLJA3922MY262696, số máy JA39E-2381664.

Trích những vật chứng sau đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự lưu theo hồ sơ vụ án: 01 USB màu đỏ nhãn hiệu Kingstone được niêm phong trong phong bì ký hiệu "USB trích xuất"; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Dahua Micro 32GB và 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Nitro 433xMicro 16GB được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "Thẻ nhớ"; 01 đĩa DVD được niêm phong trong phong bì dán kín, ký hiệu "DVD N".

Truy thu các bị cáo buộc bị cáo nộp lại tiền sung ngân sách nhà nước Nguyễn Văn N 3.200.000 đồng, N1 5.000.000 đồng, L 3.700.000 đồng.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo N, H, V1, Q, T3, N1, L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L tranh luận:

Luật sư T5: Cơ quan cảnh sát điều tra làm thủ tục chỉ định người bào chữa cho bị cáo Long muộn, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo; về tội danh đề nghị không áp dụng tình tiết định khung "*Phạm tội có tổ chức*" đối với bị cáo L; xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo L.

Trợ giúp viên pháp lý: Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người đúng tội, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo khi phạm tội bản thân bị cáo mới học hết lớp 8, hiện đã bỏ học không có công việc ổn định, bố mẹ bị cáo phải làm ăn phát triển kinh tế không có thời gian giám sát, giáo dục bị cáo nên mới thiếu am hiểu pháp luật. Bị cáo phạm tội không được lợi ích gì. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và đầu thú, ông bà có Huân Huy chương kháng chiến. Bản

thân bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai, đề nghị áp dụng mức 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Bị cáo N tranh luận: Mức đề nghị áp dụng hình phạt áp dụng đối với bị cáo là cao

Các bị cáo khác không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên đối đáp quan điểm tranh luận: Đối với bà H3, Luật sưu Thụ có chung ý kiến giảm hình phạt đối với bị cáo, Viện kiểm sát truy tố bị cáo L 02 tình tiết định khung là tổ chức và phạm tội nhiều lần, các bị cáo đã khai mua bán tổng 4 lần. Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ thì bị cáo có tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và ông bà ngoại có công với cách mạng, do đó Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 05 năm 06 tháng đến 05 năm 09 tháng là phù hợp.

Về việc làm thủ tục luật sư chậm: quá trình điều tra truy tố, hỏi cung bị cáo đã có bà H3 là trợ giúp viên pháp lý tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và bị cáo không có ý kiến gì do đó quyền của bị cáo không bị ảnh hưởng.

Về truy tố tình tiết có tổ chức là không đảm bảo: Quá trình điều tra và giai đoạn truy tố và tại phiên tòa bị cáo khai phù hợp với lời khai của bị cáo N1 về quá trình, diễn biến mua bán ma túy. Các bị cáo đều thừa nhận bị cáo N1 là người khởi xướng và N1 thừa nhận gọi L đến ở để mua bán ma túy và người tìm mua ma túy do Nghiệp trực tiếp trao đổi, phân công L làm nhiệm vụ, toàn bộ tiền mua bán ma túy đều chuyển về tài khoản bị cáo N1. Hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với Điều 17 Bộ luật hình sự nên Viện kiểm sát đề nghị bị cáo tình tiết định khung là "Phạm tội có tổ chức"

Về mức hình phạt của bị cáo N cho rằng mức án cao: Đây là hai tội rất nghiêm trọng, bị cáo phạm tội nhiều lần với nhiều người nên phải chịu 2 tình tiết định khung với tội tổ chức, khoản 2, Điều 255 quy định mức hình phạt từ 7 đến 15 năm, bị cáo phạm 2 tình tiết định khung và đề nghị 8 năm 03 tháng đến 08 năm 06 tháng là đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Với tội Mua bán ma túy bị cáo mua bán 2 lần, đã được chứng minh bằng lời khai của bị cáo, N1, L và chứng cứ khác do đó Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt từ 07 năm 06 tháng đến 07 năm 09 tháng là phù hợp.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát sau khi đã tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: N, H, V1, Q, T3, N1, L đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật

Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 24/01/2024: Nguyễn Văn N đã 03 lần cho người khác thuê phòng hát, mượn đĩa, thẻ nhựa đã chuẩn bị từ trước để sử dụng ma túy trái phép tại quán K1 của N, có địa chỉ tại tổ dân phố Đ, Phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang và 02 lần mua ma túy rồi 02 lần bán trái phép chất ma túy cho người khác để thu lợi. Nguyễn Minh N1 đã rủ rê Thân Văn L, sinh ngày 15/7/2006 (tính đến ngày phạm tội đầu tiên là 17 tuổi 5 tháng 16 ngày) tham gia bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau thực hiện 04 lần mua bán trái phép chất ma túy cho N và Nguyễn Văn H6. Nguyễn Trung H đã cùng Bùi Cao Q, Nguyễn Ngọc V1, Lý H thực hiện tổ chức 01 lần cho nhau và cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể:

Ngày 01/01/2024, N một lần mua ma túy Ketamine của Nguyễn Minh N1, Thân Văn L với số tiền 2.000.000 đồng rồi bán lại một lần cho người không biết họ tên, địa chỉ được 2.000.000 đồng.

Từ ngày 14/01/2024 đến khoảng 01 giờ ngày 15/01/2024: N tiếp tục một lần mua 2.000.000 đồng ma túy Ketamine của N1 và L để bán. Sau đó, N bán một lần ma túy cho Nguyễn Văn T6 với số tiền 1.500.000 đồng. Tiếp đó, N cho hai nam giới không biết họ tên, địa chỉ thuê phòng hát số 02 với số tiền 1.200.000 đồng để sử dụng ma túy do các đối tượng tự mang đến. Cho Nguyễn Văn T6 thuê phòng hát số 01, cung cấp đĩa, thẻ nhựa và bán trái phép ma túy Ketamine cho T6 như nêu trên để sử dụng ngay tại phòng hát. Đồng thời N cho Nguyễn Trung H, Bùi Cao Q, Nguyễn Ngọc V1, Lý Hiền T3, thuê phòng hát số 02 (nhưng chưa thu tiền) và cung cấp đĩa, thẻ nhựa để các bị cáo tổ chức sử dụng ma túy cho nhau và cho Nguyễn Đức B1, Moong Thị È, Đoàn Thị Thanh L1 sử dụng trái phép chất ma túy cùng (khi tổ chức sử dụng ma túy, H là người khởi xướng, rủ rê, chia ma túy, V1 là người chuyển tiền để Q mua ma túy, ngoài ra Q còn rủ rê thêm người khác và cùng Thục chia, "xào" ma túy để mọi người sử dụng). Ngoài bán ma túy cho N như nêu trên, N1, L còn bán ma túy Ketamine cho Nguyễn Văn H6 02 lần: lần thứ nhất vào sáng ngày 14/01/2024 với số tiền 900.000 đồng, lần thứ hai sáng ngày 24/01/2024 với số tiền 3.800.000 đồng. Toàn bộ số ma túy mua được, H6 đã tự sử dụng cá nhân hết. Sau đó, Công an kiểm tra hành chính quán K1 của N rồi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng có liên quan về việc N và những người khác tổ chức sử dụng ma túy. Tiến hành khám xét nơi ở trọ của N, L, Cơ quan điều tra thu giữ được 0,647 gam ma túy Ketamine còn lại cả hai chưa kịp bán cho người khác.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đủ độ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên truy tố Nguyễn Văn N về các tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Trung H, Bùi Cao Q, Nguyễn Ngọc V1, Lý Hiền T3 về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Minh N1 và Thân Văn L, các bị cáo câu kết chặt chẽ thực hiện hành vi phạm bị cáo N1 là người khởi xướng và gọi L đến ở cùng để mua bán ma túy hai bị cáo bàn bạc thống nhất trước về giá bán ma túy phân công người tìm mua ma túy do Nghiệp trực tiếp trao đổi, phân công L làm nhiệm vụ mang ma túy đi bán, toàn bộ tiền mua bán ma túy đều chuyển về tài khoản bị cáo N1 do vậy Cáo trạng của Việt kiểm sát truy tố về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, ý kiến của người bào chữa cho bị cáo L không phạm tội "Có tổ chức" là có cơ sở.

[4] Về mặt chủ quan của tội phạm: Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma tuý của Nhà nước, gây mất trật tự trị an xã hội, làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự, làm suy thoái đạo đức giống nòi, ảnh hưởng kinh tế, sức khoẻ, hạnh phúc gia đình. Mặc dù bị cáo có đủ nhận thức về tác hại của ma tuý đối với con người và cộng đồng nhưng vẫn cố ý phạm tội.

[6] Về vai trò của các bị cáo:

Đối với tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*": Bị cáo N giữ vai trò chính trực tiếp bán ma túy cho các đối tượng sử dụng ma túy, cung cấp phòng, mượn đĩa, thẻ nhựa đã chuẩn bị từ trước để sử dụng ma túy trái phép tại quán K1 nên bị cáo giữ vai trò thứ nhất:

Nguyễn Trung H là người khởi xướng, rủ rê, chia ma túy nên giữ vai trò thứ hai; Nguyễn Ngọc V1 là người chuyển tiền để Q mua ma túy, Bùi Cao Q còn rủ rê thêm người khác và cùng Lý Hiền T3 chia, "xào" ma túy để mọi người sử dụng) nên giữ vai trò thứ ba.

Đối với tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*": Nguyễn Minh N1 đã rủ rê Thân Văn L tham gia bàn bạc mua bán ma túy nên giữ vai trò thứ nhất; Thân Văn L khi được N1 rủ rê đã tích cực giúp sức bán ma túy nên giữ vai trò thứ hai.

Bị cáo N bán ma túy một mình nên không có đồng phạm.

[7] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Trung H, Lý Hiền T3, Nguyễn Minh N1, là người có nhân thân tốt; bị cáo Thân Văn Long Nguyễn Ngọc V1, Bùi Cao Q là người có nhân thân xấu, L bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H khởi tố về tội "*Cố ý gây thương tích*" (Ngày 30 tháng 7 năm 2024 Viện

kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đình chỉ vụ án), V1, Q đã bị xét xử tại bản án số 165/2024/HS-ST ngày 08/8/2024 của Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng".*

[8] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo N1 rủ bị cáo L là người dưới 18 tuổi tham gia mua bán trái phép chất ma túy nên phải chịu tình tiết tăng nặng "*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*" quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo còn lại không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo N có bà nội được tặng Huy chương kháng chiến, ông nội được tặng Huy chương vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc; bị cáo L có ông ngoại được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bà nội được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo H có thời gian tham gia quân ngũ; Bị cáo V1, N1, L sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện đã đầu thú nên các bị cáo N, V1, N1, L, H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[10] Từ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân vai trò của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử lý các bị cáo bằng một mức án tương xứng để giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

Đối với Nguyễn Văn N phạm hai tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chấp hành hình phạt tù của cả hai tội

Đối với bị cáo Thân Văn L thời điểm phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên cần căn cứ các Điều 90, 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành người có ích cho xã hội.

[11] Hình phạt bổ sung: Đối với bị cáo N, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử phạt bổ sung bằng tiền đối với tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Bị cáo N1 mua bán ma túy nhằm mục đích thu lời bất chính nên cần phạt bổ sung với bị cáo N1. Bị cáo L khi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên không phạt bổ sung bằng tiền.

Các bị cáo H, Q, Thục không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản và tổ chức sử dụng ma túy không mục đích thu lợi nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Về xử lý vật chứng:

Đối với : 01 phong bì ký hiệu "QT P1"; 01 phong bì niêm phong ký hiệu "QT P2"; 01 hộp cát tông ký hiệu "KX Nghiệp 1" bên trong có (túi nilon, ma tuý, đĩa sứ, ống hút làm bằng tiền mệnh giá 20.000đ, thẻ nhựa); 01 phong bì niêm phong ký hiệu "KX Nghiệp 2" bên trong đều chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định được niêm phong

bằng dải niêm phong, đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh B và chữ ký của Giám định viên và những người liên quan là vật cầm lưu hành; 02 đĩa sứ hình tròn, 01 thẻ nhựa có chữ "EVNNPC"; 01 thẻ nhựa có chữ "Mobifone không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy; riêng đối với ống hút làm bằng tờ tiền 20.000đ cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với: Số tiền 1.300.000 đồng được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "T"; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO lắp sim số 0338685682 của N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone lắp sim số 0976100994 được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "ĐT Quý; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone lắp sim số 0979132124 được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "ĐT H"; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone lắp sim số 0353679333 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone bị vỡ màn hình lắp sim số 0387203000 được niêm phong trong phong bì ký hiệu "ĐT Nghiệp"; 01 điện thoai di động nhãn hiệu Iphone màu vàng hồng lắp sim số 0766413582 được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "ĐT L, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone lắp sim số 0862500457 được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "ĐT Thục" là tài sản các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với: 01 ví da màu đen có chứ Hermes của bị cáo N1; 01 đầu thu camera nhãn hiệu Dahua TECHNOLOGY được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "Camera an ninh", 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung lắp sim số 0906021137 và 0989209682 được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "ĐT N" là của bị cáo N; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn N; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Minh N1 không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại các bị cáo. Trừ ví, giấy tờ tùy thân ra thì các tài sản, đồ vật còn lại được tạm giữ để đảm bảo thi hành án. 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ đen, biển kiểm soát 12L1-205.49, số khung RLHJF5831KY040106, số máy JF86E2104521 là của chị D, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại chị D.

Đối với: 01 USB màu đỏ nhãn hiệu Kingstone được niêm phong trong phong bì ký hiệu "USB trích xuất"; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Dahua Micro 32GB và 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Nitro 433xMicro 16GB được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "Thẻ nhớ"; 01 đĩa DVD được niêm phong trong phong bì dán kín, ký hiệu "DVD Nghĩa" đây là tài liệu chứng cứ liên quan trong hồ sơ vụ án không phải là vật chứng do vậy Tòa án đã ra lệnh trích vật chứng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Việt Yên, bổ sung vào hồ sơ vụ án.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu đen, không lắp biển kiểm soát, số máy JA39E-2776557 là tài sản của anh Nguyễn Văn T7, sinh năm 2003, trú tại tổ dân phố D, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang cho Thục mượn. Anh T7 không biết T3 sử dụng xe mô tô đi đến quán K1; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu đen, không lắp biển kiểm soát, số khung RLJA3922MY262696, số máy JA39E-2381664

là của ông Nguyễn Văn N3, sinh năm 1973, trú tại thôn A, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Ông N3 không biết L sử dụng đi mua bán ma túy nên cần trả lại cho anh T7, ông N3.

Đối với số tiền thu lời từ việc phạm tội: N thu lời từ bán ma túy tổng 3.300.000 đồng (bán ma túy được 2.000.000 đồng cho người không quen biết, cho T6 được 1.300.000 đồng) cơ quan điều tra đã thu giữ được 1.300.000 đồng, còn 2.000.000 đồng chi tiêu hết. T8 lời từ việc tổ chức sử dụng ma túy: 1.200.000đồng ngày 14/01/2024 của khách không biết tại phòng 02 và đã chi tiêu hết, do đó truy thu của bị cáo N tổng số tiền: 3.200.000 đồng. Nghiệp, L: Số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và tiền do phạm tội mà có là 8.700.000 đồng (bán cho N tổng 4.000.000 đồng, cho H6 tổng 4.700.000 đồng) các bị cáo chi tiêu chung hết, tuy nhiên bị cáo N1 vai trò cao hơn nên truy thu của N1: 5.000.000 đồng, L 3.700.000 đồng là phù hợp Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Quá trình xét xử vụ án, bị cáo N khai bị Cơ quan điều tra thu giữ ví, tiền (khoảng hơn 13.000.000 đồng đến 14.000.000đ) là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng không đưa vào biên bản thu giữ tài sản. Hội đồng xét xử thấy rằng tại các biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 15 tháng 01 năm 2024, Biên bản niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ ngày 15/01/2024, thể hiện Cơ quan điều tra không thu giữ tài sản, đồ vật trên, ngoài lời khai của N không có tài liệu gì khác chứng minh mặt khác tài sản, đồ vật N khai trên không phải là vật chứng vụ án nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[13] Tra cứu chủ thuê báo số điện thoại 0869218594, Q khai liên lạc mua ma túy, xác định đăng ký chính chủ là bà Nguyễn Thị T10, sinh năm 1930, ở khu phố I, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Bà T10 khai đã già yếu, không sử dụng số điện thoại trên, không mua bán ma túy. Tài khoản Q chuyển tiền mua ma tuý vào số tài khoản 8109890002006 mở tại Ngân hàng M2 có tên là Sáng Mí C3, sinh năm 2006, ở thôn C, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Quá trình xác minh xác định C3 không có nhà, không xác định được đi đâu làm gì. Do đó, Cơ quan Cơ quan điều tra tách hành vi của đối tượng bán ma túy cho Q ra để tiếp tục điều tra và đề nghị xử lý sau.

[14] Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập xác minh Nguyễn Văn L4 có liên quan đến xe mô tô nhãn hiệu Honda wave không biển kiểm soát (xe này L sử dụng để đi mua bán trái phép chất ma tuý và khai mượn của L4 từ trước nhưng không nói cho biết dùng mua bán ma túy) và liên quan đến việc được N1 nhờ nhận chuyển khoản tiền từ H6 khi H6 mua ma tuý. Kết quả, L4 không có nhà, gia đình và địa phương không xác định được L4 ở đâu; Cơ quan Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm L4. Vì chưa làm việc được với L4 nên Cơ quan điều tra tách hành vi của L4 ra để tiếp tục điều tra và đề nghị xử lý sau.

[16] Đối với người đàn ông tên H5 bán ma túy cho N1, L và những người mua ma túy khác của L, N1 và của N cũng như người sử dụng ma túy tại phòng hát số 02 của N vào ngày 14/01/2024, do chưa xác minh được là ai nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra và đề nghị xử lý sau.

[17] Đối với Moong Thì È là người mang đĩa sứ, thẻ nhựa lên phòng hát số 02, sau đó các bị cáo dùng vào sử dụng ma túy. Tuy nhiên, È mang đĩa, thẻ nhựa lên do người khác bảo mang lên, không nói cho biết dùng vào việc gì; È chỉ được V1, H bảo lên phòng phục vụ các bị cáo hát Karaoke, không ai nói cho È cũng như È không biết trước các bị cáo đến sử dụng ma túy. Sau đó, È không giúp sức cho các bị cáo trong việc sử dụng ma túy. Khi thấy Q, T3 sử dụng đĩa, thẻ nhựa để "xào", chia ma tuý Ketamine cho mọi người trong phòng sử dụng nên È mới biết là có ma túy. Do đó, È không đồng phạm với các bị cáo về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*".

[18] Vương Thị C1, Triệu Thị Thu H4 và Nguyễn Thị Ú, kết quả điều tra thể hiện: các đối tượng mới đến quán của N làm và chỉ được N thuê làm nhân viên phục vụ quán hát; không biết N tổ chức cho người khác sử dụng ma túy, bán ma túy; không giúp sức cho các bị cáo nên không cấu thành tội phạm.

[19] Nguyễn Văn Q1 dương tính với ma tuý, Q1 khai sử dụng tại nhà nghỉ ở phường H nhưng không nhớ nhà nghỉ nào, đồng thời Ú khai sử dụng ma túy tại quán bar ở Hà Nội nhưng không nhớ tên quán, do đó không có căn cứ điều tra, xác minh làm rõ.

[20] Vợ N không biết N tổ chức sử dụng ma túy và mua, bán ma túy; ông Nguyễn Phương N4 không biết các bị cáo N1, L sử dụng nhà thuê của mình để cất giấu ma túy nên không vi phạm pháp luật.

[21] Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của: Nguyễn Minh N1, Thân Văn L, Moong Thị È, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Đức B1, Đoàn Thị Thanh L1, Vương Thị C1, Nguyễn Thị Ú, Triệu Thị Thu H4, Nguyễn Văn T6 và Nguyễn Văn H6 đã bị Công an thị xã V ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma tuý" quy định tại Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội.

[22] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[23] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

1.1 Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58, Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N** 08 năm 03 tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*";

Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 07 năm 06 tháng tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*"; áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chấp hành hình phạt tù của cả hai tội là 15 năm 09 tháng, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/01/2024

Phạt bổ sung bị cáo 8.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

1.2 Căn cứ điểm a, điểm b Khoản 2, Khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh N1** 07 năm 09 tháng tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/01/2024.

Phạt bổ sung bị cáo 8.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

1.3 Căn cứ điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91, Điều 101; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Thân Văn L** 05 năm 06 tháng tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/01/2024.

1.4 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58, Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Trung H** 07 năm 06 tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*", thời hạn tù tính từ tạm giữ, tạm giam 15/01/2024.

Xử phạt **Nguyễn Ngọc V1** 07 năm 03 tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*", thời hạn tù tính từ tạm giữ, tạm giam 15/01/2024.

1.5 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58, Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Bùi Cao Q** 07 năm 03 tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*", thời hạn tù tính từ tạm giữ, tạm giam 15/01/2024.

Xử phạt **Lý Hiền T3** 07 năm tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*", thời hạn tù tính từ tạm giữ, tạm giam 15/01/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì ký hiệu "QT P1"; 01 phong bì niêm phong ký hiệu "QT P2"; 01 hộp cát tông ký hiệu "KX Nghiệp 1" bên trong đều chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định (túi nilon, ma tuý, đĩa sứ, ống hút, thẻ nhựa); 01 phong bì niêm phong ký hiệu "KX Nghiệp 2" được niêm phong bằng dải niêm phong, đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh B và chữ ký của Giám định viên và những người

liên quan là vật cầm lưu hành; 02 đĩa sứ hình tròn, 01 thẻ nhựa có chữ "EVNNPC"; 01 thẻ nhựa có chữ "Mobifone.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: Số tiền 1.300.000 đồng được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "T"; 20.000đ được cuốn thành ống hút trong hộp cát tông ký hiệu "KX Nghiệp 1" ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO lắp sim số 0338685682 của N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone lắp sim số 0976100994 được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "ĐT Quý; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone lắp sim số 0979132124 được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "ĐT H"; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone lắp sim số 0353679333 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone bị vỡ màn hình lắp sim số 0387203000 được niêm phong trong phong bì ký hiệu "ĐT Nghiệp"; 01 điện thoai di động nhãn hiệu Iphone màu vàng hồng lắp sim số 0766413582 được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "ĐT L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone lắp sim số 0862500457 được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "ĐT Thục.

Trả lại các bị cáo: Nguyễn Minh N1: 01 ví da màu đen có chứ Hermes, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Minh N1; Nguyễn Văn N: 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn N, 01 đầu thu camera nhãn hiệu Dahua TECHNOLOGY được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "Camera an ninh", 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung lắp sim số 0906021137 và 0989209682 được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "ĐT N". Trừ ví, giấy tờ tùy thân ra thì các tài sản, đồ vật còn lại được tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

Trả lại chị Hoàng Thị D 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ đen, biển kiểm soát 12L1- 205.49, số khung RLHJF5831KY040106, số máy JF86E2104521; anh Nguyễn Văn T7: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu đen, không lắp biển kiểm soát, số máy JA39E-2776557; ông Nguyễn Văn N3 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu đen, không lắp biển kiểm soát, số khung RLJA3922MY262696, số máy JA39E-2381664.

Trích những vật chứng sau lưu theo hồ sơ vụ án: 01 USB màu đỏ nhãn hiệu Kingstone được niêm phong trong phong bì ký hiệu "USB trích xuất"; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Dahua Micro 32GB và 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Nitro 433xMicro 16GB được niêm phong trong phong bì dán kín ký hiệu "Thẻ nhớ"; 01 đĩa DVD được niêm phong trong phong bì dán kín, ký hiệu "DVD N".

Truy thu các bị cáo buộc bị cáo nộp lại tiền sung ngân sách nhà nước Nguyễn Văn N 3.200.000 đồng, N1 5.000.000 đồng, L 3.700.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Mỗi bị cáo: Nguyễn Văn N, Nguyễn Trung H, Bùi Cao Q, Nguyễn Ngọc V1, Lý H, Nguyễn Minh N1, Thân Văn L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm,

xác nhận bị cáo Bùi Cao Q đã nộp tại biên lai thu số 0000651, ngày 20 tháng 8 năm 2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự: Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND thị xã Việt Yên;
- Sở Tư pháp;
- Công an thị xã Việt Yên (CQCSĐT+ CQTHAHS);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Việt Yên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện